TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2022/QĐCNHGT-DS	*H, ngày 05 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 17 tháng 8 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Liên Việt.

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần H, phường C, Quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Bích T – Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh tỉnh C. *(Theo quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với giám đốc chi nhánh)*

Địa chỉ: Số 40 K, phường H, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Bích T: Ông Đàm Văn D – Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – phòng giao dịch H thuộc chi nhánh tỉnh C. *(Theo quyết định số 517/2022/QĐ-LPB.CP ngày 18/5/2022 của Giám đốc chi nhánh C về việc thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc phòng giao dịch H ông Đàm Văn D)*

Địa chỉ: Phố Hoằng Bó, thị trấn Nước Hai, huyện H, tỉnh C.

+ Người bị kiện:

Ông Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh C.

Bà Hà Phương C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh C.

Đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ông Đ.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 17 tháng 8 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 17 tháng 8 năm 2022, cụ thể như sau:

(1) Bên khởi kiện và bên bị kiện cùng xác nhận: Bà Hà Phương C và ông Đ vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh C – Phòng giao dịch H số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 120 tháng (từ ngày 30/6/2021 đến ngày 30/6/2031). Mục đích vay thanh toán tiền sửa chữa nhà ở, lãi suất vay 8.4%/năm trong 12 tháng đầu sau đó áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định. Dư nợ gốc đến thời điểm ngày 17/8/2022 là: 461.615.366 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi mốt triệu sáu trăm mười lăm nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng).

(2) Bên khởi kiện và bên bị kiện thống nhất:

- Đến ngày 24/8/2022 bà Hà Phương C và Ông Đ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt chi nhánh C – Phòng giao dịch H số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/10/2022 là 49.500.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể:

+ Tiền nợ gốc là: 25.000.000đ.

+ Lãi tính đến ngày 25/10/2022 là: 24.500.000đ.

- Trường hợp đến ngày 24/8/2022 bà Hà Phương C và ông Đ thanh toán được số nợ gốc, lãi quá hạn và phân kỳ ngày 25/10/2022 là: 49.500.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) thì được tiếp tục sử dụng vốn vay và thanh toán nợ gốc, tiền lãi theo các phân kỳ như sau:

Ngày phải trả	Gốc phải trả	Lãi phải trả
27/01/2023	12,500,000	13,633,219
25/04/2023	12,500,000	12,398,356
25/07/2023	12,500,000	12,443,938
25/10/2023	12,500,000	12,199,452
25/01/2024	12,500,000	11,818,219

25/04/2024	12,500,000	11,312,671
25/07/2024	12,500,000	10,935,582
25/10/2024	12,500,000	10,674,521
25/01/2025	12,500,000	10,293,288
25/04/2025	12,500,000	9,696,575
25/07/2025	12,500,000	9,427,226
25/10/2025	12,500,000	9,149,589
26/01/2026	12,500,000	8,863,664
25/04/2026	12,500,000	8,113,630
25/07/2026	12,500,000	7,918,870
26/10/2026	12,500,000	7,707,534
25/01/2027	12,500,000	7,164,692
26/04/2027	12,500,000	6,787,603
26/07/2027	12,500,000	6,410,514
25/10/2027	12,500,000	6,033,425
29/01/2028	12,500,000	5,967,123
25/04/2028	12,500,000	5,047,192
25/07/2028	12,500,000	4,902,158
25/10/2028	12,500,000	4,574,795
25/01/2029	12,500,000	4,193,562
25/04/2029	12,500,000	3,729,452
25/07/2029	12,500,000	3,393,801
25/10/2029	12,500,000	3,049,863
25/01/2030	12,500,000	2,668,630
25/04/2030	12,500,000	2,237,671
25/07/2030	12,500,000	1,885,445
25/10/2030	12,500,000	1,524,932
28/01/2031	12,500,000	1,180,993
25/04/2031	12,500,000	721,027
13/07/2031	12,500,000	327,363

(3) Trường hợp đến ngày 24/8/2022 bà Hà Phương C và ông Đ không thực hiện thanh toán được khoản nợ quá hạn và phân kỳ ngày 25/10/2022 là:

49.500.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) hoặc trường hợp bà Hà Phương C và ông Đ thanh toán nợ chậm hai phân kỳ liên tiếp thì bà Hà Phương C và ông Đ nhất trí để Ngân hàng TMCP Liên Việt, Cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo quy định pháp luật. Tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất: Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 35, địa chỉ thửa đất tại: xóm Nà Rằng, thị trấn T, huyện T, tỉnh C (nay là tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh C). Diện tích: 114,2m2.

- Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở diện tích xây dựng 110m2, kết cấu chính: Tường gạch mái tôn; số tầng: 01 tầng.

(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 123574, số vào sổ cấp GCN: CS01540, do Sở tài nguyên và môi trường C cấp ngày 08/10/2015).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Lưu TA.

Nông Thanh Lịch

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).

(3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thoả thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.